

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ZOTA LUCKY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ZOTA LUCKY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ZOTA LUCKY PRODUCTION AND BUSINESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ZOTA LUCKY CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108690101

**3. Ngày thành lập:** 08/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 15, ngách 2, ngõ 36 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sợi                                                                                                                        | 1311        |
| 2.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                               | 1312        |
| 3.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                             | 1313        |
| 4.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                             | 1391        |
| 5.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                              | 1392        |
| 6.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                              | 1399        |
| 7.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                      | 1410        |
| 8.  | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                    | 1420        |
| 9.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                | 1430        |
| 10. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                       | 1511        |
| 11. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                      | 1512        |
| 12. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                  | 1520        |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa;<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                | 4610        |
| 14. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                | 4641(Chính) |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659        |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>(Trừ hàng hóa nhà nước cấm) | 4669        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4751 |
| 19. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4753 |
| 20. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4771 |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng kim loại) | 4773 |
| 22. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4782 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933 |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5210 |
| 25. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5224 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển;<br>- Logistics;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5229 |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410 |
| 28. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8230 |
| 29. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4719 |
| 30. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4721 |
| 31. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4722 |
| 32. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8292 |
| 33. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310 |
| 34. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630 |
| 35. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4791 |
| 36. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5629 |

|     |                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh       | 4759 |
| 38. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                           | 1702 |
| 39. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                              | 1709 |
| 40. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                      | 4761 |
| 41. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                         | 1075 |
| 42. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                  | 2220 |
| 43. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hàng hóa nhà nước cấm) | 4774 |
| 44. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                      | 4764 |
| 45. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ môi giới bất động sản                                                               | 6820 |
| 46. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                | 7911 |
| 47. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                           | 7990 |
| 48. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                            | 6311 |
| 49. | Cổng thông tin<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                           | 6312 |
| 50. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                         | 6201 |
| 51. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                           | 6202 |
| 52. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                               | 6209 |
| 53. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                         | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 026083000100

Nơi cấp: *Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TT Trường THPT IN, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 15, ngách 2, ngõ 36 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Chức danh:

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 026083000100

Nơi cấp: *Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TT Trường THPT IN, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 15, ngách 2, ngõ 36 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội